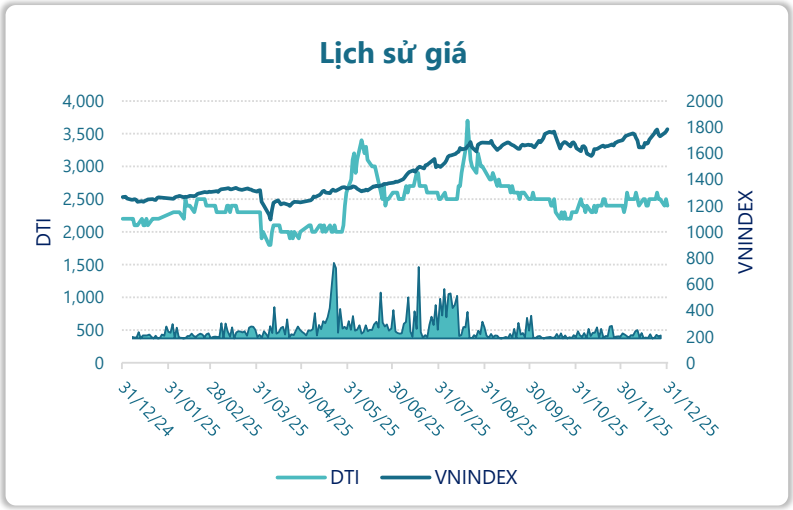
FireAnt

CTCP Đầu tư Đức Trung (UPCOM: DTI)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**2,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,800
SL cổ phiếu LH	13,488,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,500
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	32
P/E	148.3
EPS	16

DT thuần

Q4/25

151

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 49.0| 48.2%

YoY: ▲ 2.00| 1.4%

LN sau thuế

Q4/25

0.05

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.02| 52.8%

YoY: ▲ 0.01| 14.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.7%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

2025

600

tỷ VNĐ

YoY: ▼21.0| -3.3%

LN sau thuế

2025

0.22

tỷ VNĐ

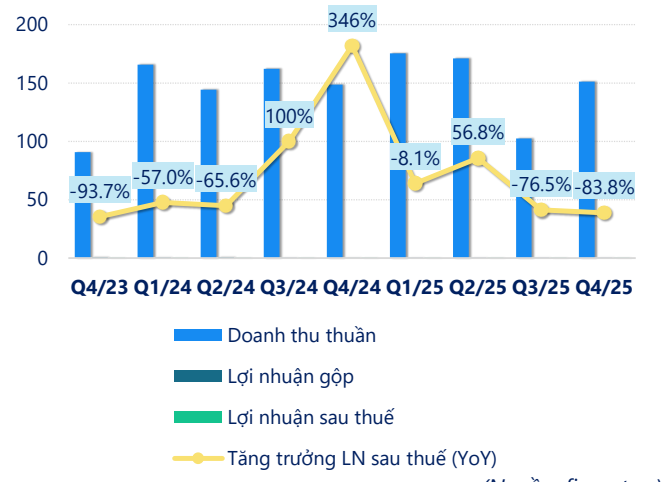
YoY: ▲ 0.04| 24.1%

ROE

2025

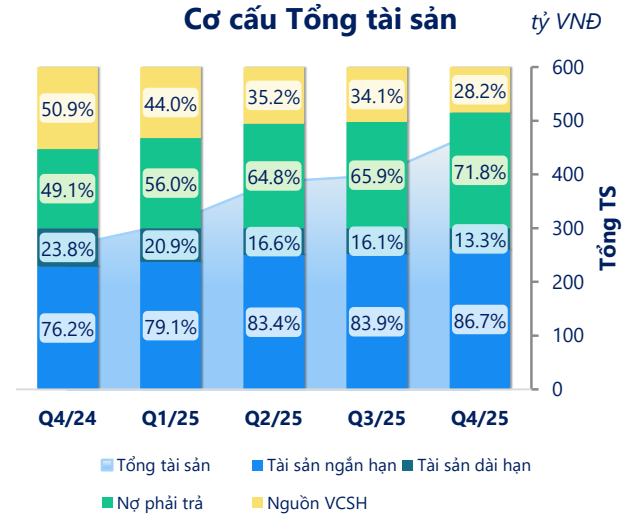
0.2%

Kết quả kinh doanh



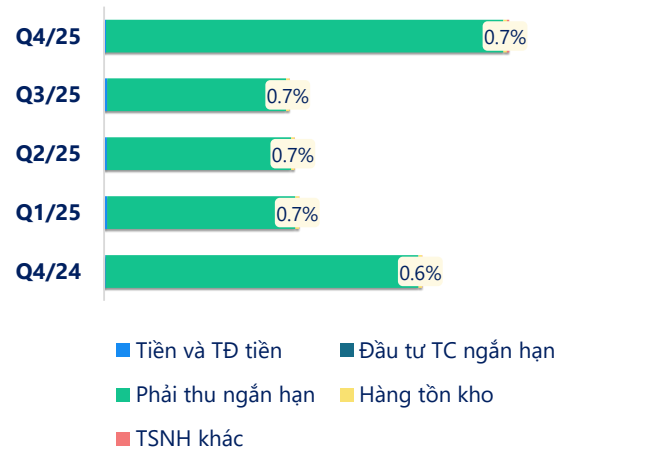
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



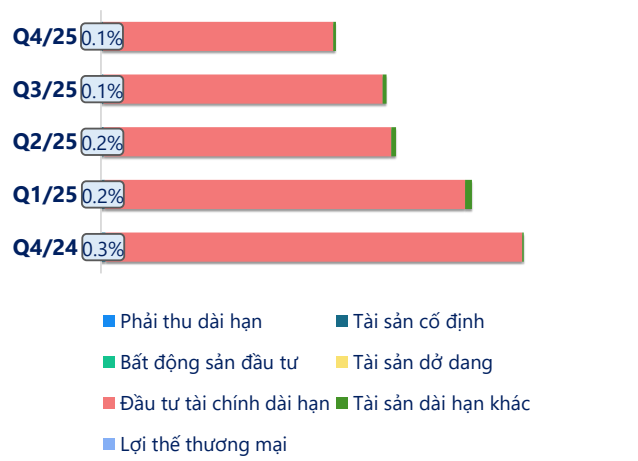
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



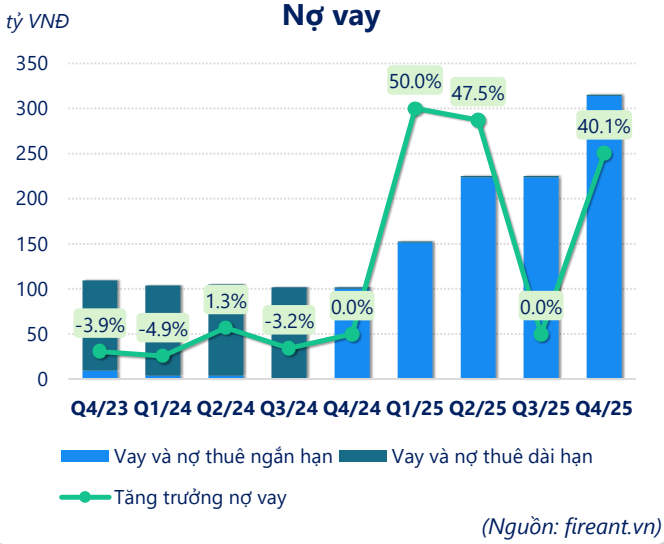
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



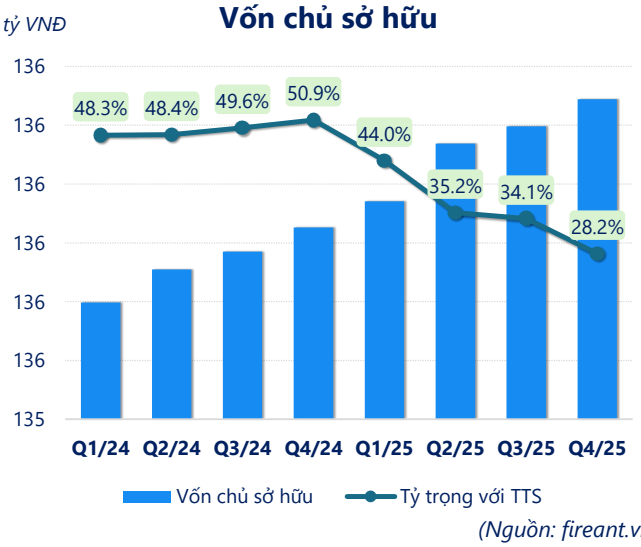
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



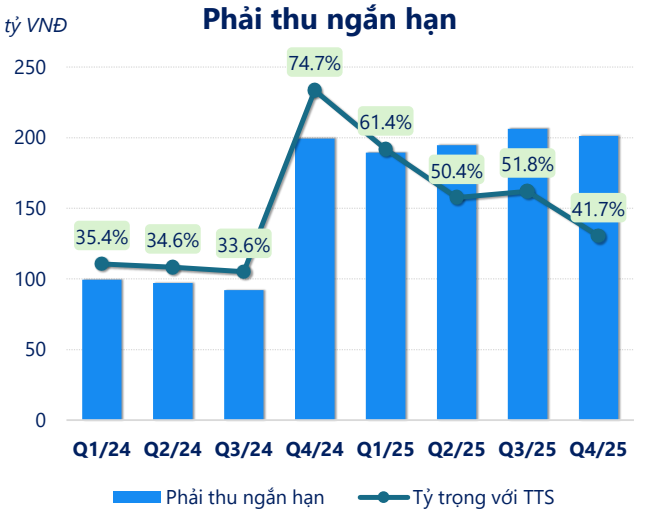
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



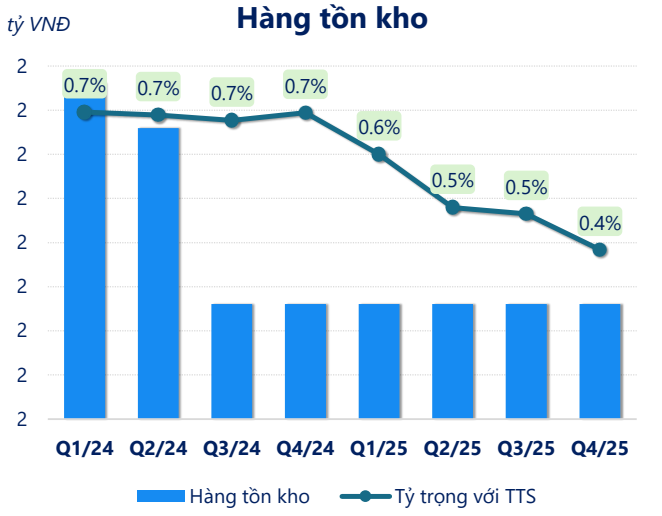
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



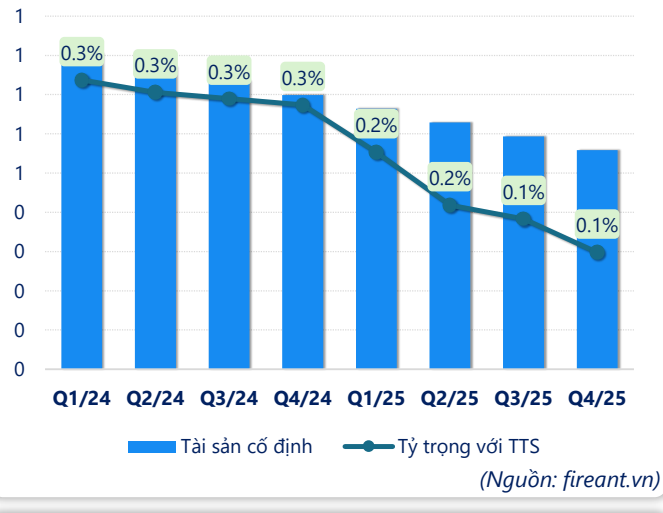
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



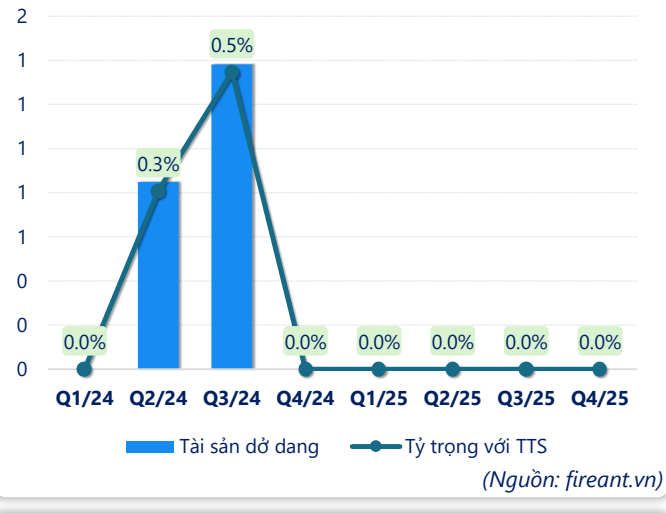
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



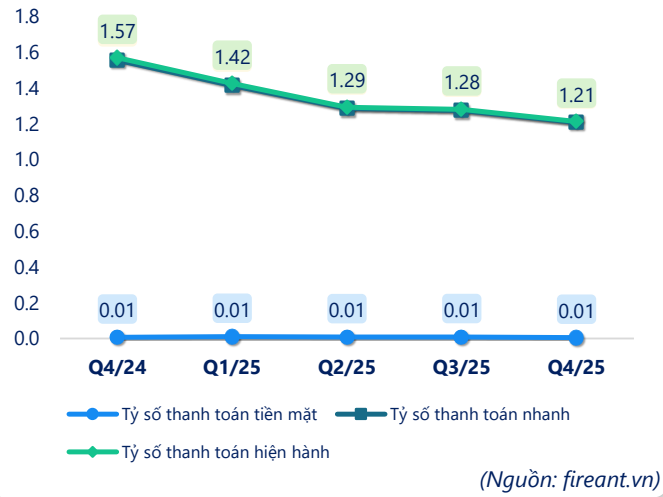
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



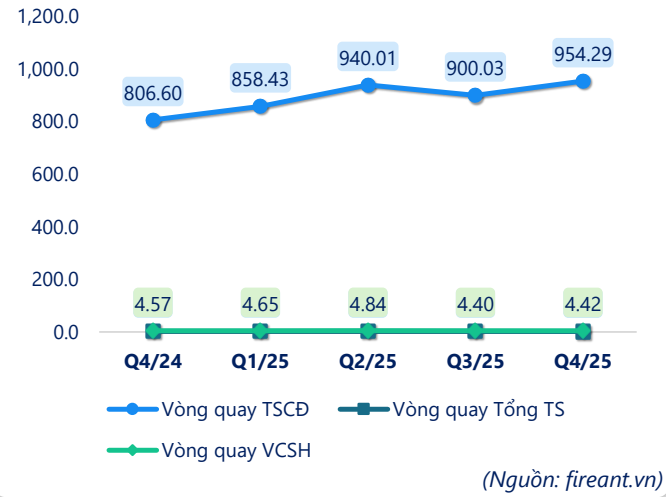
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**267**	**309**	**386**	**398**	**482**
Tài sản ngắn hạn	**203**	**244**	**322**	**334**	**418**
Tiền và tương đương tiền	0.78	1.80	2.05	2.30	1.73
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	51.0	123	123	214
Phải thu ngắn hạn	199	189	195	206	201
Hàng tồn kho	1.85	1.85	1.85	1.85	1.85
Tài sản ngắn hạn khác	1.21	0.05	0.03	0.03	0.02
Tài sản dài hạn	**63.6**	**64.6**	**64.3**	**64.1**	**63.9**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.70	0.66	0.63	0.59	0.56
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	62.7	62.7	62.7	62.7	62.7
Tài sản dài hạn khác	0.22	1.19	1.01	0.82	0.68
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**131**	**173**	**251**	**262**	**346**
Nợ ngắn hạn	**129**	**171**	**249**	**261**	**345**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	100	151	224	224	314
Phải trả người bán ngắn hạn	12.8	9.64	11.9	23.7	11.6
Nợ dài hạn	1.58	1.54	1.50	1.46	1.42
Vay và nợ thuê dài hạn	1.58	1.54	1.50	1.46	1.42
Nguồn vốn chủ sở hữu	**136**	**136**	**136**	**136**	**136**
Vốn chủ sở hữu	**136**	**136**	**136**	**136**	**136**
Vốn điều lệ	135	135	135	135	135
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)